

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XXVI
về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển nguồn
nhân lực chất lượng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

I. TÌNH HÌNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trong những năm qua, thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước và Thành phố về phát triển giáo dục và đào tạo; phát huy truyền thống hiếu học của quê hương Danh nhân Văn hóa Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm; Huyện ủy, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể huyện đã quan tâm triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo; đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục của huyện đã có nhiều cố gắng, nỗ lực phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn thi đua dạy tốt, học tốt. Với sự quan tâm, chăm lo của Nhân dân, sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp phát triển của huyện, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thành phố.

Quy mô, mạng lưới trường lớp được quy hoạch, bố trí sắp xếp cơ bản phù hợp với thực tiễn của huyện đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập. Hiện nay huyện có 89 đơn vị giáo dục công lập và 08 cơ sở giáo dục mầm non tư thục (*mầm non 31 trường, tiểu học 29 trường, THCS có 23 trường, THPT 5 trường, 01 Trung tâm GDNN-GDTX*). Chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng được nâng lên; phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong trường học được quan tâm, đạt kết quả cao. Chất lượng giáo dục mũi nhọn và dạy nghề có chuyển biến tích cực; số học sinh giỏi, học sinh đạt giải tại các kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp, học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng hằng năm đều tăng lên về số lượng và chất lượng. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được giữ vững, kết quả cao. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên toàn ngành cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới; số giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng tăng (*Cán bộ quản lý: 100% đạt chuẩn, 10,43% trên chuẩn. Giáo viên: 64,09% đạt chuẩn, 28,73% trên chuẩn*). Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học tiếp tục được tăng cường, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 85,2%. Các phong trào thi đua, các cuộc vận động trong ngành giáo dục được tổ chức triển khai và bước đầu đạt kết quả; nền nếp, kỷ cương trường học được tăng cường; việc thực hiện quy chế dân chủ trong trường học được triển khai và phát huy tốt. Công tác xã hội hóa giáo dục được xã hội quan tâm thu hút được nhiều nguồn lực đóng góp cho giáo dục.

Những kết quả của giáo dục và đào tạo trong những năm qua đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện và thành phố.

Tuy nhiên, giáo dục và đào tạo của Vĩnh Bảo còn những tồn tại, hạn chế: việc thực hiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp còn gặp nhiều khó khăn; cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng học tập một số trường chưa đảm bảo; công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia mặc dù đạt cao so với mặt bằng chung của thành phố nhưng chưa đạt so với chỉ tiêu, nhất là cấp trung học cơ sở; trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tuy đã được nâng lên nhưng hiệu quả chưa tương xứng; đội ngũ thừa, thiếu, không đồng bộ chậm được khắc phục. Chất lượng giáo dục toàn diện còn tồn tại nhiều hạn chế, nhất là việc giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, truyền thống, pháp luật, kỹ năng sống cho học sinh; công tác hướng nghiệp dạy nghề cho học sinh chưa được coi trọng. Một số trường học thiếu diện tích, thiếu phòng học, sân chơi, bãi tập; công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí sắp xếp đội ngũ giáo viên ở một số đơn vị chưa thực sự hợp lý, hiệu quả, khách quan. Công tác xã hội hóa giáo dục chưa phát huy được hết tiềm năng, trí tuệ của các lực lượng xã hội tham gia xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục; một số đơn vị thực hiện quản lý nguồn xã hội hóa chưa hiệu quả; công tác quản lý giáo dục, kỷ cương nền nếp và thực hiện quy chế dân chủ ở một số trường học có mặt còn phần hạn chế.

** Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế*

- *Về khách quan*, một số quy định về lĩnh vực giáo dục đào tạo chậm được ban hành hoặc chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục trong tình hình mới. Tình hình kinh tế khó khăn trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học. Nguồn ngân sách đầu tư cho giáo dục lớn, còn gặp nhiều khó khăn. Tác động mặt trái của kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng, đạo đức, hành vi, lối sống của một bộ phận học sinh và đội ngũ giáo viên. Chương trình giáo dục thay đổi với những yêu cầu cao cùng với sự gia tăng số lớp, số học sinh; điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở một số đơn vị chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc giao chỉ tiêu, biên chế hàng năm của thành phố luôn chậm, chưa sát với nhiệm vụ của từng năm học nên gây ra nhiều khó khăn trong việc tổ chức, triển khai nhiệm vụ.

- *Về chủ quan*, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền tại một số địa phương chưa được tập trung cao; nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền, một bộ phận cán bộ công chức, viên chức và Nhân dân về vị trí, vai trò của giáo dục và đào tạo còn hạn chế. Tỷ lệ trình độ đào tạo của cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn tuy được nâng cao nhưng sự tâm huyết, trách nhiệm, nhất là khả năng tự học, tự nghiên cứu về đổi mới công tác quản lý, phương pháp của một số cán bộ quản lý, giáo viên còn nhiều hạn chế. Việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh còn nặng về trang bị kiến thức, nhẹ về năng lực, chưa gắn liền với đời sống thực tiễn. Khuôn

viên, diện tích trường học, phòng học của một số trường thực hiện theo quy hoạch, thiết kế và xây dựng từ nhiều năm trước nên nhiều công trình đã xuống cấp, không đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục, nhất là các trường tiểu học, trung học cơ sở.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng *“Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân”*; đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển bền vững, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nhằm tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố và đất nước.

- Tập trung huy động tổng hợp các nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng ở các bậc học, ngành học. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học theo hướng hiện đại, đồng bộ. Phát triển quy mô giáo dục hợp lý theo quy hoạch, cân đối về quy mô, loại hình trường, lớp, từng bước phát triển giáo dục ngoài công lập.

- Xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu, đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn, có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Triển khai và thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, chú trọng hiệu quả giáo dục đạo đức, kỹ năng sống; thực hiện tốt Chương trình đào tạo nghề cho lao động, phát triển hệ thống giáo dục khởi nghiệp, hướng nghiệp, xây dựng xã hội học tập, hội nhập.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan quản lý giáo dục; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và các lực lượng tham gia vào hoạt động giáo dục đảm bảo tính đồng bộ, khả thi về điều kiện, nguồn lực trong phát triển giáo dục và đào tạo của huyện.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhằm phát triển năng lực, phẩm chất người học, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, sống có lý tưởng cao đẹp; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục và đào tạo huyện đạt chuẩn về chuyên môn, tâm huyết,

trách nhiệm. Phần đầu đến năm 2025, giáo dục và đào tạo Vĩnh Bảo đứng tốp đầu khối huyện, đến năm 2030 đứng tốp đầu thành phố về chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất phục vụ dạy - học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Đối với giáo dục mầm non

- Đến năm 2025: Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường là 78%; (trong đó trẻ nhà trẻ là 47%; trẻ mẫu giáo 98%, mẫu giáo 4-5 tuổi là 100%); 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 3%. Cơ bản đáp ứng đủ giáo viên, nhân viên theo quy định, 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, phần đầu 4-6% cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ; 100% trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục, có thêm 05 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ II và 03 trường được công nhận đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II; phần đầu thành lập thêm 01 trường mầm non tư thục.

- Đến năm 2030: Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường là 86%; (trong đó trẻ nhà trẻ là 57%; trẻ mẫu giáo 100%). Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 2%. Về đội ngũ đảm bảo đủ giáo viên, nhân viên theo quy định; phần đầu 8-9% cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ; có thêm 01 trường đạt trường chuẩn mức độ II; mở rộng diện tích và quy hoạch một số trường mầm non, phần đầu thành lập thêm từ 01 đến 03 trường mầm non tư thục.

2.2.2. Giáo dục phổ thông

a. Giáo dục tiểu học

- Đến năm 2025: Duy trì, giữ vững kết quả phổ cập; tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi (6-10 tuổi) đạt 100%. Tỷ lệ học sinh học 2 buổi ngày đạt 100%; cơ bản đáp ứng đủ giáo viên, nhân viên theo quy định; 100% cán bộ quản lý, giáo viên trình độ đạt chuẩn; phần đầu từ 10-11% cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ; 100% trường đạt chuẩn quốc gia, có thêm 11 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ II, có thêm 05 trường đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II.

- Đến năm 2030: Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập; duy trì tỷ lệ học sinh học 2 buổi ngày 100%; đảm bảo đủ giáo viên, nhân viên theo quy định; tiếp tục nâng cao trình độ trên chuẩn đối với cán bộ quản lý, giáo viên; phần đầu từ 12-15% cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ; tiếp tục duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia, trong đó có thêm 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II; quy hoạch và mở rộng diện tích một số trường tiểu học đạt chuẩn; phần đầu thành lập từ 01 đến 02 trường tư thục.

b. Giáo dục trung học cơ sở

- Đến năm 2025: Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi trung học cơ sở (11-14 tuổi) đạt 100%. Tỷ lệ học sinh học 2 buổi ngày đạt 55%. Tỷ lệ phân luồng

học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 20%; cơ bản đáp ứng đủ giáo viên, nhân viên theo quy định, trong đó có trên 80% các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ; 100% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên, phần đầu 11-15% cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ; 100% trường học đạt chuẩn quốc gia, phần đầu có thêm 11 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ II; có thêm 04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II; quy hoạch và mở rộng diện tích một số trường học; xây dựng và hoàn thành giai đoạn 1, trường chất lượng cao Trung học cơ sở Tam Cường, Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm; triển khai sáp nhập một số trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở.

- *Đến năm 2030*: Tiếp tục duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; tỷ lệ học sinh học 2 buổi ngày đạt trên 75%; tỷ lệ phân luồng sau tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 30%. Đảm bảo đủ giáo viên, nhân viên theo quy định; tiếp tục nâng trình độ trên chuẩn đối với cán bộ quản lý, giáo viên, trong đó tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ từ 18-20%. Duy trì các trường học đạt chuẩn quốc gia, phần đầu có thêm 03 trường đạt chuẩn mức độ II; hoàn thành giai đoạn 2 trường chất lượng cao trung học cơ sở Tam Cường, trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm, hoàn thiện sáp nhập một số trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở.

c. Giáo dục trung học phổ thông

- *Đến năm 2025*: Tỷ lệ thanh thiếu niên đi học đúng độ tuổi trung học phổ thông (15-18 tuổi) đạt 99,3%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt trên 99%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đi học các trường nghề đạt 35%. Cơ bản đáp ứng giáo viên, nhân viên theo quy định, trong đó có trên 85% các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ¹; tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sĩ trên 35% trở lên. Tiếp tục duy trì trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục, trong đó có thêm 01 trường chuẩn quốc gia mức độ II; xây dựng Đề án trường Trung học phổ thông Vĩnh Bảo thành mô hình trường chất lượng cao.

- *Đến năm 2030*: Tỷ lệ thanh thiếu niên đi học đúng độ tuổi trung học phổ thông (15-18 tuổi) đạt 99,5%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 99,8%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đi học các trường nghề đạt 40%. Đảm bảo đủ giáo viên, nhân viên theo quy định; cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sĩ là 40% trở lên. Tiếp tục duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục, phần đầu có thêm 01 trường chuẩn quốc gia mức độ II; tiếp tục giữ vững và phát triển mô hình trường chất lượng cao trung học phổ thông Vĩnh Bảo.

¹ Theo Quyết định số 522/QĐ-TTg, ngày 14/5/2018 về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” của Thủ tướng Chính phủ.

d. Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên (GDNN, GDTX)

- *Đến năm 2025:* Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, phấn đấu tỷ lệ học sinh vừa học văn hóa vừa học nghề đạt 97% trở lên. Mở rộng các mô hình học tập, linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước để nâng cao hiệu quả hoạt động các Trung tâm ngoại ngữ, Tin học, Kỹ năng sống, Trải nghiệm, Trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, thị trấn. Cơ bản đảm bảo đội ngũ, giáo viên, nhân viên theo quy định; 100% giáo viên trình độ đào tạo đạt chuẩn; tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sĩ chiếm tỷ lệ 20%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 87%-88%, trong đó qua đào tạo nghề đạt 65%, đào tạo có chứng chỉ 40%.

- *Đến năm 2030:* Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng của GDNN, GDTX, các trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, thị trấn. Mở rộng các hình thức học tập phong phú, “gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp” linh hoạt nhằm đảm bảo nhu cầu học tập suốt đời của mỗi người dân, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động; đảm bảo đủ đội ngũ giáo viên, nhân viên theo quy định; tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sĩ chiếm tỷ lệ 30% trở lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 92%, trong đó qua đào tạo nghề đạt 70%, đào tạo có chứng chỉ 45%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đổi mới mạnh mẽ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng; nâng cao nhận thức giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ đảng viên và Nhân dân trên địa bàn

1.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết của Thành ủy và Huyện ủy về giáo dục và đào tạo. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và có chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện.

1.2. Chú trọng công tác xây dựng đảng, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo, chỉ đạo của chi ủy, chi bộ Đảng trong trường học; lấy chỉ tiêu đánh giá chất lượng giáo dục là tiêu chí quan trọng để đánh giá phân loại chất lượng chi bộ hằng năm. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý trường học; xây dựng chi bộ đảng trong các trường học thực sự trong sạch, vững mạnh. Quan tâm xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội trong trường học, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, nâng cao chất lượng hoạt động của đoàn thanh niên và Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

1.3. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, các tầng lớp Nhân dân về chủ trương, chính sách mới về giáo dục và đào tạo; tuyên truyền chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03

tháng; tuyên truyền về hướng nghiệp, đào tạo nghề, tạo việc làm đối với người lao động trên địa bàn huyện. Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể tăng cường phối hợp chặt chẽ với các trường học trong việc giáo dục học sinh và huy động các nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện.

1.4. Tăng cường giáo dục tư tưởng, đạo đức lối sống cho cán bộ, giáo viên trong toàn ngành, đẩy mạnh và thực hiện sâu rộng phong trào “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành;

1.5. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị từ huyện tới cơ sở đối với việc đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận ở các ngành, các cấp, các đơn vị sự nghiệp và toàn xã hội trong việc thực hiện chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả của các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện

2.1. Quán triệt và triển khai nghiêm túc Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

2.2. Tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo nguyên tắc thuận lợi cho người dân, phù hợp với điều kiện của từng xã, thị trấn, phù hợp với sự phát triển quy mô trường lớp, điều kiện thực tế của địa phương và yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông 2018; thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình, kế hoạch thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được phê duyệt, đang thực hiện đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục.

2.3. Tập trung xây dựng 02 trường trọng điểm trung học cơ sở theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025 với những ưu tiên về cơ sở vật chất, giáo viên giảng dạy; có cơ chế động viên, khuyến khích học sinh và giáo viên có thành tích trong giảng dạy và học tập.

2.4. Đổi mới mô hình hoạt động, cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, sắp xếp các nhà trường theo hướng giảm đầu mối, số lượng gắn với tinh giản biên chế; hình thành các trường liên cấp; từng bước xây dựng mô hình các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ở những nơi có đông dân cư, có khả năng xã hội hóa cao, xây dựng Trung tâm Ngoại ngữ, Trung tâm Tin học, Trung tâm Trải nghiệm.

2.5. Thực hiện triệt để phân cấp quản lý giáo dục theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo bằng việc đẩy mạnh việc phân cấp quản lý, giao

quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục và đào tạo. Các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện thực hiện quản lý Nhà nước về giáo dục theo thẩm quyền. Tăng cường công tác quản lý chất lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát các điều kiện đảm bảo chất lượng, kịp thời phát hiện xử lý các trường hợp vi phạm quy định trong quản lý.

3. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; xây dựng xã hội học tập.

3.1. Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về “tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025” theo quy định. Ưu tiên kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, đề án đã được ban hành, kinh phí bồi dưỡng, tập huấn giáo viên, kinh phí để triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới và các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và học sinh tại địa phương.

3.2. Thực hiện tốt công tác dự báo về quy mô trường, lớp để ưu tiên quỹ đất và nguồn vốn để xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường chất lượng cao. Quy hoạch hoàn chỉnh trường, điểm trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, đúng theo Điều lệ trường học.

3.3. Tăng cường đầu tư nguồn lực đầu tư cho giáo dục, tạo điều kiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu dạy học và đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo.

3.4. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, tăng cường nguồn lực cho giáo dục và đào tạo. Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng phối hợp có hiệu quả giữa: Nhà trường - Gia đình - Xã hội. Phát huy hiệu quả của Ban đại diện cha mẹ học sinh; kiên quyết chống lạm thu, đảm bảo các nguyên tắc tự nguyện, đúng mục đích. Cùng cố và phát huy hiệu quả hoạt động các tổ chức “*Hội khuyến học*”; “*Hội cựu giáo chức*” các cấp. Nâng cao chất lượng hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng, xây dựng xã hội học tập, phấn đấu mỗi người, mỗi gia đình, làng, xã, thị trấn trở thành công dân học tập, gia đình học tập và đơn vị học tập. Khuyến khích triển khai, xây dựng và nhân rộng mô hình “*Dòng họ học tập*”, “*Gia đình học tập*” và “*Cộng đồng học tập*” phục vụ nhiệm vụ giáo dục và đào tạo.

4. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hóa, nâng cao chất lượng, đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu

4.1. Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, Nhà nước về tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức trong ngành giáo dục; thường xuyên rà soát quy hoạch cán bộ quản lý, sắp xếp và bố trí đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bảo đảm quy định về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục, quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên đối với các cấp học.

4.2. Xây dựng và thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo quy định của Luật Giáo dục 2019, tiến tới toàn bộ đội ngũ được chuẩn hóa về trình độ đào tạo. Thực hiện bồi dưỡng đội ngũ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên; chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

4.3. Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với giáo viên và nhất là chế độ tiền lương nhằm tạo động lực cho giáo viên yên tâm công tác, thu hút học sinh giỏi vào ngành sư phạm. Ưu tiên bố trí kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên các cấp để thực hiện chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới.

4.4. Phát triển, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên Ngoại ngữ, Tin học đặc biệt là đội ngũ giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu và tiến độ triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới và dạy các môn học khác bằng ngoại ngữ.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và công tác bồi dưỡng học sinh giỏi; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh phổ thông

5.1. Tiếp tục triển khai chương trình giáo dục mầm non mới, đổi mới hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo chuyên đề “Giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non”; tăng cường hoạt động vui chơi, trải nghiệm, khám phá của trẻ; triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

5.2. Nâng cao chất lượng công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi; tập trung đầu tư nguồn lực, quan tâm bố trí đội ngũ giáo viên có năng lực và tinh thần trách nhiệm cho các trường chất lượng cao cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông tạo nguồn bồi dưỡng học sinh giỏi tham dự các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố, cấp quốc gia, trong khu vực và quốc tế.

5.3. Chuẩn bị tốt về cơ sở vật chất, phát triển, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu và tiến độ triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới và từng bước tiến hành dạy ngoại ngữ 2 (tiếng Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc...) đối với các trường trung học cơ sở, các trường trung học phổ thông.

5.4. Tăng cường các điều kiện dạy và học Ngoại ngữ, Tin học đối với các khối theo quy định; đầu tư có trọng điểm hệ thống hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ trực tuyến đáp ứng mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và học sinh. Thực hiện việc liên kết giảng dạy Kỹ năng sống, Tin học, Ngoại ngữ, tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài cho học sinh ở đơn vị có đủ điều kiện thực hiện và gia đình, người học có nhu cầu. Khuyến khích triển khai cho trẻ mẫu giáo 4 tuổi, 5 tuổi làm quen với ngoại ngữ (tiếng Anh), lớp 1, lớp 2, làm quen với môn Tin học.

5.5. Tiếp tục củng cố và duy trì kết quả phổ cập giáo dục đã đạt được theo Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị; có giải pháp thực hiện

tốt việc duy trì sĩ số học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; hạn chế tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh lưu ban đến mức thấp nhất.

5.6. Thực hiện hiệu quả Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông; phát triển mạnh các hình thức dạy nghề cho lao động nông thôn và chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước, xuất khẩu lao động.

5.7. Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn huyện theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hải Phòng.

6. Thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học.

6.1. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học; chú trọng giáo dục quyền và nghĩa vụ công dân, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, giáo dục truyền thống, giáo dục thể chất phù hợp với các cấp học; chú trọng kỹ năng sống cho học sinh; rèn luyện kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn thông qua nhiều hình thức dạy học đa dạng gắn với thực tiễn cuộc sống; đẩy mạnh thực hiện các hoạt động ngoại khóa phù hợp với học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường.

6.2. Tăng cường tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề, có cơ chế xây dựng và áp dụng hiệu quả đề tài khoa học, ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm về đổi mới phương pháp dạy học. Xây dựng đội ngũ cốt cán làm nòng cốt trong việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh.

7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục; thực hiện tốt công tác truyền thông trong giáo dục

7.1. Tiếp tục phổ biến, quán triệt triển khai các văn bản của Chính phủ, Bộ GD&ĐT trong việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong giáo dục. Thực hiện tốt việc ứng dụng CNTT trong các hoạt động điều hành và quản lý giáo dục bằng việc triển khai có hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện báo cáo dữ liệu đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn.

7.2. Đẩy mạnh triển khai sử dụng cơ sở dữ liệu ngành thành phố, các phần mềm quản lý trường học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện; triển khai

ứng dụng CNTT kết nối, tương tác, trao đổi thông tin hai chiều giữa phụ huynh với nhà trường.

7.3. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, ưu tiên triển khai dịch vụ công trực tuyến về xét tuyển học sinh đầu cấp mức độ 3, mức độ 4; tăng cường ứng dụng phương thức hợp trực tuyến để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo và tổ chức sinh hoạt chuyên môn qua mạng.

7.4. Tăng cường bồi dưỡng ứng dụng CNTT cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục với sử dụng các phần mềm quản lý, tổ chức hội họp, dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh trong nhà trường.

7.5. Chủ động thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục và đào tạo đến các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân; nêu gương người tốt, việc tốt trong quá trình thực hiện đổi mới giáo dục, tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, sự đồng thuận trong toàn ngành và xã hội.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát

8.1. Tăng cường sự giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp, hiệu lực quản lý của chính quyền, đề cao trách nhiệm của các đoàn thể, tổ chức xã hội và Nhân dân đối với phát triển giáo dục và đào tạo huyện nhằm nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và mỗi người dân trong việc chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo; xác định việc phát triển giáo dục và đào tạo huyện là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính đột phá của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phát triển giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp quản lý.

8.2. Hàng năm các cấp ủy Đảng, chính quyền có kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, đề án gắn với tổ chức sơ kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

9. Xây dựng cơ chế khuyến khích

9.1. Sửa đổi và ban hành quy chế hoạt động Quỹ Khuyến học, quy chế giải thưởng Nguyễn Bình Khiêm để động viên, khuyến khích giáo viên và học sinh trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu tham dự các kỳ thi chọn học sinh giỏi thành phố, quốc gia; học sinh, sinh viên đạt thủ khoa, á khoa trong các kỳ thi tuyển sinh đại học, tốt nghiệp đại học; công tác đào tạo qua con đường chuyên gia cao cấp; công tác đào tạo cán bộ, giáo viên đạt trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

9.2. Xây dựng quy chế hỗ trợ kinh phí đối với những học sinh giỏi có hoàn cảnh khó khăn; những giáo viên có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố, cấp quốc gia.

10. Một số nhiệm vụ đột phá

- Đổi mới công tác quản lý giáo dục và quản trị nhà trường.
- Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng đủ về số lượng, đồng bộ về chuyên môn.
- Thu hút, khuyến khích nhà đầu tư xây dựng và phát triển Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học có chất lượng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động.

2. Hội đồng nhân dân huyện, UBND huyện căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết và các Chương trình, hành động của Thành ủy, UBND thành phố, của Chính phủ về đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo để xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, chỉ đạo các cấp, các ngành liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy; sơ kết và tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội các cấp có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Các cơ quan tham mưu giúp việc Huyện ủy trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ giúp Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đôn đốc, tham mưu việc kiểm tra việc triển khai thực hiện nghị quyết này. Giao Ban Tuyên giáo Huyện ủy, chủ trì, phối hợp giúp Huyện ủy theo dõi tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy “để báo cáo”,
- TT HĐND, UBND thành phố “để báo cáo”,
- Văn phòng HĐND, UBND thành phố,
- Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố,
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện,
- CT, các PCT UBND huyện,
- MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện,
- Các chi bộ, Đảng bộ trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Huyện ủy,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M BAN CHẤP HÀNH

BÍ THƯ



Phạm Tuyên Dương